|  |  |
| --- | --- |
| Đơn vị:…………………..Công trường, phân xưởng:....... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |

**HỘ CHIẾU NỔ MÌN LỘ THIÊN**

Số :…………./……/ 20.... …./ HCNM

Theo phương án nổ mìn số …………… ngày…….tháng…… năm ……….

**I. ĐỊA ĐIỂM NỔ:** ................................................................................................................

**II. THỜI ĐIỂM NỔ:**Nổ mìn vào hồi : …….......h........ phút ngày….....tháng…năm 20….

**III. LOẠI ĐẤT ĐÁ:**Đất đá loại : …....................................................................................

Độ cứng: f = …............................................................................................................

**IV. THÔNG SỐ BÃI NỔ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Từ lỗ số đến lỗ số | H(mét) | DLK(mm) | *LK*(mét) | Khoảng cách (mét) | Tổng số lỗ | Chiều cao cột bua thiết kế LBua(mét) | Tổng số mét khoan của lỗ có đường kính (mét) |
| a | b | W |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỳ trước (qtt ;kg/m3).........................

- Chỉ tiêu thuốc nổ lựa chọn cho đợt nổ (qTT; kg/m3) với đường kính lỗ khoan: ……………………........................................……………………………………………………

**V. VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG**

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

**VI. PHẦN TÍNH TOÁN LƯỢNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | H(m) | L(m)Thực tế | Khoảng cách (m) | Thể tích lỗ V(m3) | Chỉ tiêu q (kg/m3) | Qkg | Vật liệu nổ công nghiệp thực tế | BuaLBua(m) |
| a | b | W | *Thuốc nổ (kg)* | *Mồi (quả)* | *Kíp (cái)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Lưu ý****: Những nhóm lỗ mìn đường kính < 65 mm và có các thông số DK , H, a, b, W như nhau thì cho phép tính lượng thuốc nổ của một lỗ đại diện và các lỗ trong nhóm chỉ cần thể hiện ở cột TT(từ số …đến số). Trường hợp khi tính toán nổ mìn ốp, phải thể hiện thể tích, số lượng hòn đá và lượng thuốc nổ, phụ kiện nổ cho từng hòn đá phải nổ ốp.*

- Tổng lượng đá phá ra V= ……………………........................................................ (m3)

- Tổng lượng thuốc nổ các loại Q = ……………………..…........................................(kg)

- Tính toán dòng điện qua kíp bảo đảm I ≥ 1,3A với dòng 1 chiều, I ≥ 2,5A với dòng xoay chiều.………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**VII. SƠ ĐỒ KHỞI ĐỘNG BÃI NỔ (SƠ ĐỒ ĐẤU) VÀ MẶT CẮT LỖ MÌN**

**VIII. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO**

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

Chỉ huy thi công nổ ký xác nhận vật liệu nổ công nghiệp thừa:

**IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN**

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn….…………………………………………………………………

- Tín hiệu khởi nổ …..…………………………………………………………………………

- Tín hiệu báo yên……………………………………..………………………………………

**X. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN**

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ ......................................(mét)

- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ …...........................(mét)

- Chọn khoảng cách an toàn cho người: R(Người) ……………….……………….…(mét)

- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị : R(TB) ……………………..(mét)

**XI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN**

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

**XII. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THI CÔNG BÃI NỔ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tổ, Đội | Nạp từ lỗ số | Lb (m) | Ký nhận |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |

**XIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẨN NẤP, DI CHUYỂN MÁY** *(Phải bảo đảm người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ mìn 20 phút. Sơ đồ di chuyển người, thiết bị máy móc phải thể hiện đầy đủ các khoảng cách từ bãi nổ đến các trạm gác, công trình nằm trong vùng nguy hiểm, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm và vị trí điểm hỏa)*

**XIV. PHÂN CÔNG GÁC MÌN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tổ, Đội | Trạm gác số | Ký nhận |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**XV. KẾT QUẢ NỔ MÌN**:*(Chỉ huy nổ mìn ghi lại kết quả sau khi kiểm tra bãi nổ)*

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

Vụ nổ kết thúc vào lúc .......... ngày…… tháng…….năm 20……..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **CHỈ HUY NỔ MÌN***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **NGƯỜI QUẢN LÝ DUYỆT***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú****:*

*Khi lập Hộ chiếu nổ mìn lộ thiên có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực nổ mìn nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 01 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thi công nhiều bãi nổ trong cùng một khu vực (thời gian khởi nổ của từng bãi nổ cách nhau thời gian ngắn), cho phép tách các mục XI, XII, XIV lập thành một hộ chiếu an toàn chung cho các bãi nổ.*